TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Phong;

Ông Trần Văn Lâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn D; Cư trú: Ấp Tà Â, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Lâm Thị Ú (P);

2. Ông Châu Đức D;

Cùng cư trú: Ấp Tà Â, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

(các bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Dương Văn D trình bày:

Vào năm 2011, ông Dương Văn D có cho bà Lâm Thị Ú vay số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), lãi suất là 5%/tháng, mục đích vay là để sử dụng chung trong gia đình, khi vay thì không có làm giấy tờ, sau khi vay tiền thì vợ chồng bà Ú, ông D không đóng lãi và cũng không thanh toán số tiền nợ gốc cho ông

D. Bà Ú, ông D đã bỏ địa phương đi làm nên ông D không thể đòi được, đầu năm 2018 vợ chồng bà Ú và ông D về nên ông D có làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp hòa giải và tại phiên hòa giải ở ấp Tà Â thì ông Châu Đức D có đến dự đồng thời thừa nhận là có nợ ông D số tiền 7.000.000 đồng, giữa ông D và ông D có thỏa thuận lãi suất là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tổng cộng gốc và lãi là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) ông D hứa sẽ trả cho ông D 04 lần tính từ ngày 03/4/2018, nhưng cho đến nay ông D chỉ trả cho ông D được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) còn nợ lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), ông D nhiều lần đến nhà yêu cầu trả tiền nhưng ông D vẫn không trả.

Ông Dương Văn D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Châu Đức D và bà Lâm Thị Ú có trách nhiệm trả cho ông Dương Văn D số tiền còn nợ là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), ông D không yêu cầu tính lãi.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 Tòa án thông báo cho nguyên đơn cung cấp nơi cư trú, làm việc của bị đơn bà Lâm Thị Ú (P), đến ngày 10 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Ú (P) trả tiền cho nguyên đơn mà chỉ yêu cầu bị đơn ông D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị Ú (P): Bà Ú đã bỏ địa phương, không cung cấp nơi cư trú mới nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Ú được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà Ú theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự: Quyết định phân công giải quyết vụ án dân sự; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Đối với bị đơn ông Châu Đức D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt Quyết định phân công giải quyết vụ án; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông D, nhưng bị đơn ông D từ chối nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng các bị đơn bà Lâm Thị Ú (P) và ông Châu Đức D chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn D về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Ú (P) trả số tiền vay vốn và lãi là 4.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn D trả cho nguyên đơn số tiền vay là 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ các bị đơn bà Lâm Thị Ú (P) và ông Châu Đức D đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn bà Lâm Thị Ú (P) và ông Châu Đức D.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú tại ấp Tà Â, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay. Trong quá trình vay các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[4] Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2019 nguyên đơn yêu cầu các bị đơn bà Ú (P) và ông D trả tiền vay là 4.000.000 đồng, nhưng đến ngày 10 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Ú (P) trả tiền vay cho nguyên đơn mà chỉ yêu cầu bị đơn ông D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay là 4.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông D trả tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn cho rằng bị đơn bà Ú là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền của nguyên đơn không phải bị đơn ông D, nhưng ông D nhận trả nợ thay cho vợ là bà Ú, khi vay không có làm giấy cũng không có người chứng kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên bản hòa giải cơ sở nhưng biên bản không thể hiện ông D có mặt và có nhận trả nợ thay cho bà Lâm Thị Ú. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Bị đơn bà Ú là người trực tiếp vay

tiền của nguyên đơn nhưng nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D trả, nhưng nguyên đơn không có tài liệu để chứng minh là bị đơn ông D nhận trả nợ thay cho bị đơn bà Ú, biên bản hòa giải ấp Tà Â nguyên đơn cũng không có ký tên, nguyên đơn không trực tiếp thấy bị đơn Dũng ký tên trong biên bản hòa giải của ấp, mà nguyên đơn chỉ nghe những người tổ hòa giải của ấp Tà Â nói lại. Từ những chứng cứ trên chưa đủ cơ sở buộc bị đơn ông D trả số tiền vay do bà Ú trực tiếp vay cho nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn D, về việc yêu cầu bị đơn ông Châu Đức D trả số tiền vay vốn và lãi thay cho bị đơn bà Lâm Thị Ú (P) là 4.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Dương Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009197 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy nguyên đơn đã nộp xong án phí.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn D về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Ú (P) trả số tiền vay là 4.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh